| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 344/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2024
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994.

HKTT: Khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Khu phố L, V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn K**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay : Đài Loan.

*(Chị N có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị N trình bầy:*

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường C, thị xã C). Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh K mải chơi dẫn đến nợ nần nhiều, gia đình đã nhiều lần phải trả nợ cho anh K. Bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên răn để anh K thay đổi nhưng anh K vẫn chứng nào tật ấy. Năm 2021 anh K đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi thi thoảng anh K gửi một chút tiền để chị nuôi con

nhưng sau đó chị được biết anh K lại tiếp tục mải chơi tại Đài Loan, vì vậy vợ chồng ngày càng mâu thuẫn và hay cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

*2. Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2019 hiện nay chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H, chị yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với số tiền 2.000.000đ/01 tháng. Trong trường hợp anh K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi thì chị cũng nhất trí.

*3. Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*4. Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác:* Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị đề nghị được vắng mặt tại phiên toà xét xử ly hôn giữa chị và anh K.

- Do nguyên đơn chị N không cung cấp được địa chỉ của anh K tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh K, với bố mẹ đẻ của anh K là bà ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1, ông bà xác định về điều kiện kết hôn giữa chị N và anh K như chị N trình bày là đúng. Thời gian đầu kết hôn, chị N và anh K sống tình cảm, không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên anh K mải chơi nên nợ một số tiền lớn, sau đó đi Đài Loan lao động, thời gian gần đây gia đình cũng nghe nói anh K lại tiếp tục mải chơi bên Đài Loan nên chị N đưa con về nhà ngoại sinh sống. Anh K thường liên lạc về gia đình qua mạng xã hội, thời gian gần đây anh K có nói chuyện vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không quan tâm chia sẻ cùng nhau, chị N xin ly hôn anh K nhất trí. Ông bà cũng động viên chị N, anh K nhưng không được, nên chị N có nguyện vọng ly hôn, anh K đồng ý.

Anh K không cung cấp địa chỉ của mình tại Đài Loan, ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh K biết, anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị N có 01 con chung là Bùi Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2019 hiện nay chị N đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H. Chị N có nguyện vọng nuôi con, anh K cũng đồng ý vì anh K hiện đang ở Đài Loan, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị N với số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh K không có tài sản, công nợ chung.

*Tại phiên tòa*:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Xử cho chị N được ly hôn anh K; giao con chung Bùi Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho cháu H kể từ tháng 9/2024 đến khi đủ 18 tuổi; chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và tự nguyện chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1.1] Bị đơn anh K hiện đang sinh sống và làm việc Đài Loan; anh K có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần đến nhà tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không có nhà, không trực tiếp nhận văn bản. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông C, bà H1 là bố mẹ đẻ của anh K để ông bà thông tin lại cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn 10/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường C, thị xã C) là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh K mải chơi dẫn đến nợ nần nhiều, bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên răn để nhưng anh K không thay đổi, không tu chí

chăm lo cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, không hòa thuận hạnh phúc nên chị xin được ly hôn anh K.

Anh K mặc dù không trình bày quan điểm tại Tòa án nhưng thông qua gia đình xác định có việc chị N và anh K mâu thuẫn, ly thân thời gian dài, chị N cương quyết xin ly hôn anh K đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị N và anh K có 01 con chung là Bùi Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2019 hiện nay chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H. Chị N có nguyện vọng nuôi con, anh K cũng đồng ý. Thực tế, chị N đang trực tiếp nuôi con chung, anh K đang ở Đài Loan, không có điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao con Bùi Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2019 cho chị N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N có quan điểm yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị với số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K thông qua gia đình xác định đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N, buộc anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị N số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, và tự nguyện chịu thay anh K án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì những lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Giao con Bùi Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2019 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

*Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N với số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả*

*khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tự nguyện chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000757 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Cổ Thành, TP. Chí Linh;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Yến**